

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2583 /TH-TCKT

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 08 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC 6  
tháng năm 2026 sau kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng 2026 có các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có chênh lệch từ 5% trở lên trước và sau kiểm toán và từ 10% trở lên so với 6 tháng năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (Mã chứng khoán PSN) trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán chi tiết như sau:

1. Chênh lệch trên 10% giữa BCTC 6 tháng năm 2026 sau kiểm toán so với 6 tháng năm 2025 sau kiểm toán.

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                  | 6 tháng Năm<br>2025 SKT | 6 tháng Năm<br>2026 SKT | Chênh lệch |         | Ghi chú |
|---------------------------|-------------------------|-------------------------|------------|---------|---------|
|                           |                         |                         | Số tiền    | %       |         |
| Tổng Doanh thu            | 518,98                  | 970,52                  | 451,54     | 87,01%  |         |
| - Căn cứ cảng & LGT       | 165,44                  | 185,68                  | 20,24      | 12,23%  |         |
| - Dịch vụ Vận hành Tàu    | 105,20                  | 131,90                  | 26,70      | 25,38%  |         |
| - Dịch vụ Cơ khí          | 38,80                   | 206,04                  | 167,24     | 431,03% |         |
| - Dịch vụ O&M             | 206,48                  | 443,61                  | 237,13     | 114,84% |         |
| - DT tài chính và TN khác | 3,06                    | 3,29                    | 0,23       | 7,5%    |         |
| Tổng Chi phí              | 498,35                  | 942,59                  | 444,24     | 89,14%  |         |
| Trong đó: CPQL            | 27,51                   | 42,01                   | 14,50      | 52,71%  |         |
| Lợi nhuận trước thuế      | 20,63                   | 27,93                   | 7,30       | 35,39%  |         |
| Tỷ lệ LNTT/Tổng DT        | 3,98%                   | 2,88%                   | -1,10%     | -27,64% |         |
| Thuế TNDN                 | 5,62                    | 5,69                    | 0,07       | 1,25%   |         |
| Lợi nhuận sau thuế        | 15,01                   | 22,23                   | 7,22       | 48,10%  |         |

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do doanh thu tăng từ dịch vụ cơ khí và dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng O&M góp phần làm

tăng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng chủ yếu do chi phí dự phòng phải thu khách hàng và chi phí lương bộ phận quản lý.

2. Chênh lệch trên 5% giữa BCTC 6 tháng năm 2026 sau kiểm toán so với 6 tháng năm 2026 trước kiểm toán.

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu             | 6 tháng Năm<br>2026 trước<br>kiểm toán | 6 tháng Năm<br>2026 sau<br>kiểm toán | Chênh lệch |        | Ghi chú                                        |
|----------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------|------------------------------------------------|
|                      |                                        |                                      | Số tiền    | %      |                                                |
| Tổng Doanh thu       | 977,12                                 | 970,52                               | -6,60      | -0,68% |                                                |
| Trong đó DT Cơ khí   | 212,64                                 | 206,04                               | -6,60      | -3,10% |                                                |
| Tổng Chi phí         | 948,43                                 | 942,59                               | -5,84      | -0,62% |                                                |
| Trong đó CPQL        | 41,68                                  | 42,01                                | 0,33       | 0,79%  | CP thuế GTGT đầu ra của hóa đơn dịch vụ Cơ khí |
| Lợi nhuận trước thuế | 28,69                                  | 27,93                                | -0,76      | -2,65% |                                                |
| Thuế TNDN            | 4,81                                   | 5,69                                 | 0,88       | 18,30% |                                                |
| Lợi nhuận sau thuế   | 23,88                                  | 22,23                                | -1,65      | -6,91% |                                                |

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC 6 tháng năm 2026 chênh lệch sau kiểm toán so với trước kiểm toán chủ yếu do doanh thu dịch vụ cơ khí chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu (chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai) và tăng chi phí thuế TNDN hiện hành.

Công ty chúng tôi xin cam đoan số liệu trên là đúng với sự thật và đồng thời cam kết sẽ tuân thủ quy định về CBTT.

Trân trọng cảm ơn./ 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- Lưu: TCKT, TK, VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Hùng Phương**